



KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC TÀI CHÍNH ĐẾN NĂM 2020 VÀ ĐỊNH HƯỚNG GIAI ĐOẠN 2021-2030

NGUYỄN NHƯ QUỲNH

Chiến lược tài chính đến năm 2020 đã đem lại những kết quả tích cực, góp phần hoàn thiện thể chế tài chính – ngân sách nhà nước, thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế-xã hội, tăng cường tiềm lực tài chính nhà nước và đảm bảo an ninh, an toàn tài chính quốc gia... Bên cạnh các kết quả đạt được, cũng có một số hạn chế đòi hỏi Chiến lược tài chính giai đoạn 2021-2030 phải có những đột phá và đổi mới để tiếp tục phát huy vai trò của tài chính trong thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội của đất nước.

Từ khóa: Chiến lược tài chính, tài chính, ngân sách nhà nước

RESULTS OF THE IMPLEMENTATION OF THE FINANCIAL STRATEGY UNTIL 2020 AND ORIENTATION FOR THE PERIOD 2021-2030

Nguyen Nhu Quynh

After 10 years of implementation, the Financial strategy to 2020 has obtained positive results, contributing to perfecting the state budget financial institutions, promoting socio-economic growth and development, and strengthening state financial strength and ensuring national financial security and safety ... However, besides the achieved results, there are still some limitations that require the Financial strategy for the 2021-2030 period to continue to change, renovate and perfect to further promote the role of finance in the implementation of the country's socio-economic development goals and tasks.

Keyword: Financial strategy, finance, state budget

Ngày nhận bài: 8/7/2021

Ngày hoàn thiện biên tập: 15/7/2021

Ngày duyệt đăng: 22/7/2021

Kết quả nổi bật sau 10 năm thực hiện Chiến lược tài chính đến năm 2020

Chiến lược tài chính (CLTC) đến năm 2020 (Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 18/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ) hướng tới mục tiêu xây dựng nền tài chính quốc gia lành mạnh, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, tài chính- ngân sách nhà nước (NSNN), tạo

điều kiện huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính trong xã hội, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và tái cấu trúc nền kinh tế, giải quyết tốt các vấn đề an sinh xã hội... Đến nay, Chiến lược tài chính đến năm 2020 đã đem lại những kết quả tích cực, cụ thể gồm:

Thứ nhất, thể chế tài chính-NSNN tiếp tục được hoàn thiện, đảm bảo các yêu cầu hội nhập và áp dụng các thông lệ quốc tế tốt, đáp ứng mục tiêu đề ra tại CLTC và đồng bộ với cải cách thể chế trong các lĩnh vực có liên quan, góp phần huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực hiệu quả; thúc đẩy các yếu tố thị trường và các loại thị trường phát triển, bảo đảm quyền tự do kinh doanh, bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp (DN), tăng cường cải cách hành chính (CCHC) và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Trong những năm qua, công tác CCHC đã có sự cải thiện rõ rệt, nhiều mô hình, sáng kiến trong CCHC đã được triển khai áp dụng. Các thủ tục hành chính thuế, hải quan, kho bạc nhà nước (KBNN) đã được rà soát, cắt giảm và rút ngắn số giờ thực hiện. Mở rộng áp dụng nộp thuế điện tử, thực hiện thủ tục hải quan điện tử trên phạm vi cả nước. Cơ chế một cửa quốc gia và cơ chế một cửa ASEAN đã thực hiện từ tháng 9/2015. Đổi mới về thể chế, ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) được triển khai mạnh mẽ và toàn diện, trong đó đã xây dựng và vận hành một số hệ thống CNTT hiện đại, theo chuẩn quốc tế lớn như: hệ thống tích hợp thông tin quản lý ngân sách và kho bạc, hệ thống thông quan tự động, hệ thống thông tin Quản lý nợ, hệ thống quản lý thuế thu nhập cá nhân,...



BẢNG 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH – NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2011-2020

Chỉ tiêu	Bình quân 2011-2015	2015	2016	2017	2018	2019	2020	Bình quân 2016-2020
Ngân sách nhà nước - Nợ công								
Nợ công (% GDP)	54,86	61,0	63,7	61,4	58,3	55,0	55,2	58,72
Thu NSNN (% GDP)	23,6	24,3	25,1	25,8	25,8	25,8	24,0	25,2
Thu thuế và phí (% GDP)	20,7	20,2	20,8	20,8	21,2	20,5	20,2	20,7
Chi NSNN (% GDP)^a	29,41	30,19	28,76	27,07	25,90	28,95	28,41	27,82
Bội chi ngân sách nhà nước (% GDP)^a	5,8	6,28	5,12	2,74	2,76	2,67	3,99	3,45
Thị trường chứng khoán – bảo hiểm								
Chỉ số VN-index		579,03	664,87	984,24	892,54	960,99	1.103,87	
Giá trị vốn hóa thị trường chứng khoán (% GDP)	26,01	32,44	42,71	70,29	71,90	72,35	84,12	68,27
Dư nợ thị trường trái phiếu/GDP (%)	19,68	24,14	36,91	37,65	39,12	41,71	47,83	40,64
Doanh thu bảo hiểm (% GDP)^b	1,83	2,02	2,29	2,62	2,85	3,07	3,55	2,87
Dự trữ nhà nước								
Tổng mức dự trữ quốc gia (tỷ đồng)		8.972	9.034	9.042	9.698	11.240	11.224	
Tỷ lệ mức DTQG/GDP (%)	0,26	0,21	0,20	0,18	0,18	0,19	0,18	0,19

Chú thích: (a) Từ năm 2017 tính theo Luật NSNN 2015; năm 2019 và 2020 là ước thực hiện

(b) Gồm doanh thu phí bảo hiểm và doanh thu đầu tư;

Nguồn: Tổng hợp và tính toán từ các báo cáo của Bộ Tài chính

Thứ hai, tiềm lực tài chính-NSNN được tăng cường. Chính sách động viên NSNN đã được rà soát, sửa đổi, bổ sung để hoàn thiện, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả. Công tác quản lý thu được đơn giản hóa thủ tục, dễ thực hiện; nâng cao ý thức tự giác tuân thủ pháp luật của người nộp thuế; đẩy mạnh hội nhập, tiếp cận các thông lệ quốc tế tốt. Nhờ đó, quy mô thu NSNN giai đoạn 2011-2020 cao gấp 3,8 lần so với giai đoạn 2001-2010. Tỷ lệ huy động vào NSNN bình quân giai đoạn 2011-2020 đạt khoảng 24,5% GDP, vượt mục tiêu đề ra tại Nghị quyết số 07-NQ/TW (20-21% GDP) và Nghị quyết số 25/2016/QH14 (23,5% GDP). Tỷ lệ huy động từ thuế, phí giai đoạn 2011-2015 đạt khoảng 20,7% GDP; giai đoạn 2016-2020 đạt xấp xỉ 21% GDP, đạt mục tiêu Chiến lược đề ra (21% GDP).

Thu NSNN được cơ cấu lại theo hướng tăng dần tỷ trọng thu nội địa, giảm tỷ trọng thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu và thu từ đầu thô. Giai đoạn 2011-2020, tỷ trọng thu nội địa đạt 76,7%, riêng năm 2020 là 85,6%, vượt mục tiêu của CLTC (trên 80%) và Nghị quyết số 07-NQ/TW (đạt 84 - 85%). Cơ cấu thu nội địa đã có sự chuyển dịch tích cực. Nguồn thu từ các khu vực kinh tế chiếm gần 60% tổng thu nội địa với đóng góp chính từ khu vực ngoài nhà nước và khu vực FDI.

Công tác quản lý thu NSNN đã được hiện đại hóa theo thông lệ quốc tế tốt; công tác tuyên truyền, hỗ

trợ người nộp thuế được đổi mới về phương pháp, đa dạng về hình thức và dần chuyên sâu về nội dung; hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát tuân thủ pháp luật của người nộp thuế được tăng cường; đẩy mạnh ứng dụng CNTT, quản lý rủi ro và áp dụng thuế điện tử trong tất cả các khâu của công tác quản lý thuế. Nhờ đó, bao quát được các nguồn thu, giảm thất thu thuế, góp phần bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thu vào NSNN, đồng thời thúc đẩy đầu tư, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi.

Thứ ba, phân bổ và sử dụng nguồn lực từ NSNN ngày càng hiệu quả, gắn với quá trình tái cơ cấu nền tài chính quốc gia, đảm bảo việc phân bổ các nguồn lực tài chính-NSNN theo hướng minh bạch, ưu tiên cho những nhiệm vụ quan trọng, cấp bách, các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, các mục tiêu an sinh xã hội.

Cơ cấu lại chi NSNN và đầu tư công tiếp tục được thực hiện hiệu quả, đảm bảo mục tiêu đề ra là giảm tỷ trọng đầu tư nhà nước xuống còn khoảng 31-34% tổng vốn đầu tư toàn xã hội; tập trung cho các mục tiêu xóa đói giảm nghèo, các vùng miền núi, biên giới hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển và tập trung cho các lĩnh vực giáo dục-đào tạo, khoa học và công nghệ, y tế, nông nghiệp và các lĩnh vực hạ tầng với tỷ trọng ngày càng cao. Nguồn vốn NSNN, vốn trái phiếu chính phủ, vốn ODA... đã được bố trí tập trung để



thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, các dự án trọng điểm có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) của cả nước, có tính kết nối và lan tỏa vùng, miền; phát triển nông nghiệp, nông thôn; phát triển nguồn nhân lực; bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. Kỷ luật, kỷ cương trong quản lý vốn đầu tư công được tăng cường. Nợ động xây dựng cơ bản đã được xử lý.

Thể chế quản lý, sử dụng tài sản công được hoàn thiện, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, phòng ngừa tham nhũng, thất thoát, lãng phí; tăng cường công khai, minh bạch trong quản lý tài sản công, chuẩn hóa CSDL quốc gia về tài sản công. Đã có sự đổi mới đồng bộ thể chế quản lý tài chính, ngân sách, đáp ứng yêu cầu quản lý nguồn lực dự trữ quốc gia (DTQG) hiệu quả, chặt chẽ. Quy mô DTQG được tăng cường, tổng mức DTQG năm 2020 tăng gấp 1,22 lần so với năm 2015 và gấp 1,67 lần so với năm 2010, tạo sự chủ động cho Chính phủ trong việc quản lý, sử dụng hàng DTQG.

Thứ tư, an ninh, an toàn tài chính quốc gia được đảm bảo; cân đối ngân sách tích cực, tỷ lệ bội chi NSNN giảm dần; nợ công, nợ Chính phủ và nợ quốc gia trong giới hạn an toàn. Bội chi NSNN đảm bảo mục tiêu của CLTC và Nghị quyết 07-NQ/TW là đến năm 2020 xuống dưới 4% GDP và mục tiêu không quá 3,9% GDP theo Nghị quyết số 25/2016/QH14.

Các chỉ tiêu về nợ công, nợ Chính phủ và nợ nước ngoài quốc gia nằm trong giới hạn được Quốc hội phê duyệt và đảm bảo mục tiêu đề ra tại Chiến lược tài chính đến năm 2020. Đến cuối năm 2020, tỷ lệ nợ công so với GDP khoảng 55,2%, nợ Chính phủ khoảng 49,1% GDP, nợ nước ngoài quốc gia khoảng 47,2% GDP. Nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Chính phủ so với thu NSNN nằm trong giới hạn Quốc hội phê duyệt (không quá 25%).

Thứ năm, cơ chế tài chính đối với lĩnh vực sự nghiệp công lập (SNCL) tiếp tục được đổi mới theo hướng tăng cường trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị SNCL. Xã hội hóa nguồn lực phát triển dịch vụ công được tăng cường, tạo điều kiện cho Nhà nước cơ cấu lại chi NSNN, dành thêm nguồn lực để chăm lo tốt hơn cho các đối tượng chính sách, các đối tượng hộ nghèo, bảo trợ xã hội...; chính sách, cơ chế tài chính doanh nghiệp và tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước ngày càng hoàn thiện.

Cơ chế, chính sách phục vụ công tác cổ phần hóa (CPH) được tiếp tục hoàn thiện, tăng cường công khai minh bạch trong quá trình CPH, tính đúng, tính đủ giá trị DN khi CPH. Cơ chế, chính sách tài chính về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp (DN) và quản

lý, sử dụng vốn, tài sản tại DN được sửa đổi, bổ sung đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả theo nguyên tắc thị trường, bảo toàn vốn nhà nước/DN nhà nước (DNNN) đầu tư ở mức cao nhất. Chế độ, chính sách đối với người lao động dồi dư khi thực hiện sắp xếp lại DNNN được cải thiện, tạo sự đồng thuận của cả người sử dụng lao động và người lao động. Hiệu quả hoạt động của DNNN và DN sau CPH được nâng lên. Các DNNN đã cơ bản thực hiện được vai trò, nhiệm vụ chủ sở hữu giao, góp phần thúc đẩy phát triển KT-XH; là lực lượng quan trọng để Nhà nước điều tiết kinh tế, ổn định vĩ mô, bảo đảm cân đối lớn của nền kinh tế.

Thứ sáu, thị trường chứng khoán đã trở thành kênh huy động vốn trung và dài hạn quan trọng cho nền kinh tế, hỗ trợ cho việc thực hiện công tác CPH các DNNN, bảo đảm công khai, minh bạch; thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân. Thị trường bảo hiểm có những bước phát triển mới, chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ bảo hiểm, hỗ trợ doanh nghiệp. Thị trường dịch vụ kế toán, kiểm toán phát triển ổn định, hiệu quả. Hoạt động dịch vụ thẩm định giá từng bước được đẩy mạnh và nâng cao chất lượng.

Vấn đề đặt ra và bài học kinh nghiệm

Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn một số hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện CLTC như:

- Việc ban hành và tổ chức thực hiện một số cơ chế, chính sách tài chính chưa thực sự đồng bộ, chưa bắt kịp đòi hỏi của thực tiễn. Nhiều chính sách mới ban hành có tính ổn định chưa cao. Hệ thống thuế có nhiều ưu đãi song hiệu quả của một số chính sách ưu đãi thuế còn hạn chế trong thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh. Các sắc thuế phải đảm nhận nhiều chức năng, nhiều mục tiêu làm giảm tính trung lập của thuế. Hiệu quả quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại DN còn yếu, nguồn thu ngân sách từ khu vực DNNN suy giảm.

- Dự địa tăng thu NSNN ngày càng hạn chế, số vượt thu ngân sách những năm gần đây chủ yếu là các khoản thu thuộc nguồn thu ngân sách địa phương (NSDP) (các khoản thu từ nhà, đất) trong khi ngân sách trung ương gặp khó khăn, giai đoạn 2016 - 2020 chỉ đạt 55% tổng thu NSNN, thấp hơn so với mục tiêu đề ra tại Nghị quyết số 07-NQ/TW là 60-65%, làm giảm vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương (đến 2020, tỷ trọng thu ngân sách trung ương của Việt Nam chỉ còn 52,2% tổng thu NSNN, thấp hơn so với một số nước trong khu vực như Malaysia (87%), Thái Lan (81%), Indonesia (57%)...). Thu NSDP tăng nhưng còn



BẢNG 2: KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU ĐỊNH LƯỢNG CỦA CHIẾN LƯỢC TÀI CHÍNH ĐẾN NĂM 2020

STT	Mục tiêu	Kết quả	Đánh giá
1	- Tổng thu từ thuế và phí: + Giai đoạn 2011-2015: 22-23% GDP + Giai đoạn 2016-2020: 21-22% GDP - Thu nội địa (không kể thu dầu thô): + Năm 2015: > 70% tổng thu NSNN	- Tổng thu từ thuế và phí: + Năm 2020: > 80% tổng thu NSNN + Giai đoạn 2011-2015: 20,7% GDP + Giai đoạn 2016-2020: ≈ 21% GDP - Thu nội địa (không kể thu dầu thô): + Năm 2015: 75,6% tổng thu NSNN + Năm 2020: 85,6% tổng thu NSNN	Đạt
2	Dư nợ công và nợ nước ngoài quốc gia đến năm 2020 - Nợ công: ≤ 65% GDP - Nợ nước ngoài quốc gia: ≤ 50% GDP - Nợ Chính phủ: ≤ 55% GDP	Dư nợ công và nợ nước ngoài quốc gia đến năm 2020 - Nợ công: khoảng 55,2% GDP - Nợ nước ngoài quốc gia: khoảng 47,2% GDP - Nợ Chính phủ: khoảng 49,1% GDP	Đạt
3	Mức bội chi NSNN - Năm 2015: < 4,5% GDP vào năm 2015 (tính cả TPCP) - Giai đoạn 2016-2020: 4% GDP	Mức bội chi NSNN - Đến năm 2015: 6,28 % GDP - Giai đoạn 2016-2020: bình quân khoảng 3,45% GDP	Đạt
4	Tổng doanh thu ngành bảo hiểm: - Năm 2015: 2-3% GDP - Năm 2020: 3-4% GDP	Tổng doanh thu ngành bảo hiểm: - Năm 2015: khoảng 2% GDP - Năm 2020: đạt 3,55% GDP	Đạt
5	- Vốn hóa thị trường cổ phiếu: + Năm 2015: khoảng 50% GDP + Năm 2020: khoảng 70% GDP - Dư nợ thị trường trái phiếu: khoảng 30% GDP vào năm 2020	- Vốn hóa thị trường cổ phiếu: + Năm 2015: đạt 32,4% GDP + Năm 2020: đạt 84,1% GDP - Dư nợ thị trường trái phiếu: khoảng 47,83% GDP năm 2020	Vượt
6	Tỷ trọng vốn đầu tư toàn xã hội 2011-2015: khoảng 33,5-35% GDP	Tỷ trọng vốn đầu tư toàn xã hội 2011-2015: đạt 31,7% GDP	Không đạt
7	Tổng mức dự trữ quốc gia Năm 2020: khoảng 1,5% GDP	Tổng mức dự trữ quốc gia Năm 2020: 0,18% GDP	Không đạt

Nguồn: Tổng hợp và tính toán từ các báo cáo của Bộ Tài chính

dựa nhiều vào các khoản thu mang tính chất một lần, chưa thực sự bền vững.

- Cơ cấu chi thường xuyên, chi đầu tư còn bất cập; hiệu lực, hiệu quả trong phân bổ và sử dụng ngân sách ở một số nội dung, lĩnh vực còn hạn chế; chưa có sự gắn kết chặt chẽ giữa chi đầu tư và chi thường xuyên; phân bổ vốn đầu tư hiệu quả chưa cao, giải ngân chậm, chuyển nguồn lớn. Phần lớn các khoản chi NSNN hiện vẫn được kiểm soát theo các yếu tố đầu vào (tiêu chuẩn, chế độ, định mức), chưa có cơ sở pháp lý hoàn chỉnh cho việc kiểm soát chi NSNN theo kết quả thực hiện nhiệm vụ tại từng cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nên việc đánh giá hiệu quả chi tiêu còn hạn chế. Nghĩa vụ trả nợ công hàng năm ở mức cao và có xu hướng tăng trong khi khả năng tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi giảm.

- Đổi mới cơ chế tài chính đối với các đơn vị SNCL chưa đáp ứng yêu cầu; quá trình đổi mới khu vực SNCL còn chậm; chưa đảm bảo lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công; các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập phát triển còn hạn chế, mới tập trung ở các lĩnh vực y tế, giáo dục và tại các địa phương có kinh tế phát triển, các thành phố lớn.

- Tiến độ sắp xếp, cổ phần hoá DNNN còn chậm,

quá trình thoái vốn đầu tư ngoài ngành còn gặp khó khăn. Tình hình tài chính và hiệu quả sản xuất kinh doanh của các tập đoàn, tổng công ty chưa tương xứng với nguồn lực nắm giữ (quy mô vốn, tài sản), chưa phát huy tiềm năng, lợi thế, nguồn lực được Nhà nước, xã hội giao, vẫn còn một số DN, tập đoàn, tổng công ty sản xuất kém hiệu quả, thua lỗ làm ảnh hưởng đến hiệu quả của nền kinh tế - tài chính quốc gia.

- Thị trường tài chính và dịch vụ tài chính phát triển chưa thực sự bền vững. Cơ sở nhà đầu tư trên thị trường mặc dù đã có cải thiện nhưng sự phát triển của các nhà đầu tư tổ chức còn hạn chế. Hệ thống giám sát và quy định về giám sát cần tiếp tục hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu giám sát trong bối cảnh thị trường ngày càng phát triển đa dạng, đặc biệt là cơ chế giám sát liên thông thị trường. Hoạt động quản lý, công tác kiểm tra, giám sát tính tuân thủ pháp luật về kế toán, kiểm toán chưa đạt hiệu quả cao, cần được hoàn thiện về khung pháp lý.

Những hạn chế kể trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân; trong đó, nguyên nhân khách quan xuất phát từ những khó khăn nội tại của nền kinh tế cũng như tác động từ sự biến động của môi trường kinh tế, chính



trị thế giới đã ảnh hưởng đến việc thực hiện các chỉ tiêu Chiến lược. Các vấn đề như cơ cấu lại DNNN là những vấn đề phức tạp, đòi hỏi thực hiện trong dài hạn. Giai đoạn 2015-2020, phải đối mặt với thiên tai, dịch bệnh... gây thiệt hại nặng nề; đặc biệt, đại dịch Covid-19 tác động nghiêm trọng đến đời sống KT-XH của cả nước. Việc điều chỉnh chính sách để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế cũng làm tăng áp lực lên NSNN. Về nguyên nhân chủ quan, năng lực tổng kết, đánh giá, dự báo tình hình kinh tế trong nước, quốc tế còn chưa sát, chưa đáp ứng được yêu cầu trong tình hình mới. Các mục tiêu được xây dựng chưa bám sát thực tiễn nên vẫn còn khoảng cách giữa việc xây dựng với thực hiện các mục tiêu đã đề ra.

Chiến lược Tài chính giai đoạn 2021-2030 cần hướng tới mục tiêu: Xây dựng nền tài chính quốc gia lành mạnh, hiện đại nhằm tăng cường khả năng chống chịu của nền kinh tế, bảo đảm an ninh tài chính quốc gia; Thực hiện chính sách động viên hợp lý, cải thiện dự địa chính sách tài khóa, tạo điều kiện thuận lợi để huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính, giải quyết hài hòa các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội và môi trường, đảm bảo an ninh, quốc phòng và an sinh xã hội.

Từ những hạn chế và nguyên nhân trên, có thể rút ra một số bài học trong việc xây dựng và thực hiện CLTC như sau:

Một là, coi trọng công tác phân tích; Đánh giá đầy đủ, kịp thời tình hình kinh tế thế giới và khu vực, nhất là những biến động lớn ảnh hưởng trực tiếp đến nước ta để nghiên cứu, đề xuất thực hiện những giải pháp phù hợp.

Hai là, việc cơ cấu lại tài chính-NSNN phải đặt trong tổng thể hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, có lộ trình và bước đi phù hợp với yêu cầu phát triển của nền kinh tế cũng như các cam kết hội nhập. Coi trọng tính cân đối, hiệu quả trong huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực tài chính cho phát triển KT-XH.

Ba là, trong chỉ đạo, điều hành cần sự chủ động, linh hoạt, sáng tạo; phát huy tối đa sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị kết hợp chặt chẽ, hiệu quả với các bộ, cơ quan Trung ương, địa phương, cộng đồng doanh nghiệp và người dân trong việc thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu về tài chính - NSNN.

Bốn là, giữ vững kỷ luật, kỷ cương tài chính-NSNN, đảm bảo gắn kết chặt chẽ cơ chế, chính sách tài chính với các mục tiêu phát triển KT-XH.

Năm là, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra

chấp hành pháp luật về tài chính-NSNN, tăng cường năng lực chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác tài chính, tham mưu xây dựng chính sách.

Định hướng quan điểm, mục tiêu và giải pháp của Chiến lược tài chính giai đoạn 2021-2030

Trong thời gian tới, kinh tế quốc tế và trong nước tiếp tục có những diễn biến khó lường, đại dịch Covid-19 có thể kéo dài ảnh hưởng nặng nề tới kinh tế toàn cầu; cạnh tranh thương mại và rủi ro trên thị trường tài chính, tiền tệ gia tăng. Khoa học và công nghệ phát triển nhanh cùng với chuyển động của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 tác động sâu rộng đến nền kinh tế toàn cầu. Biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường và tranh chấp địa chiến lược cũng là những lực cản cho sự phát triển kinh tế, tạo sức ép lớn về tài chính-NSNN. Với thực tiễn đặt ra như trên, Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã nhấn mạnh: "Hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, trước hết là thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, cạnh tranh hiệu quả. Tập trung ưu tiên hoàn thiện đồng bộ, có chất lượng và tổ chức thực hiện tốt hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng cho mọi thành phần kinh tế, thúc đẩy đổi mới sáng tạo; huy động, quản lý và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển..."

Vì vậy, việc nghiên cứu, xây dựng CLTC giai đoạn 2021-2030 là cần thiết, có vai trò quan trọng nhằm cụ thể hóa các mục tiêu, định hướng lớn về tài chính-NSNN trong Văn kiện Đại hội Đảng XIII cũng như những nhiệm vụ trọng tâm của ngành Tài chính. Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Chiến lược phát triển KT-XH 10 năm 2021-2030, Chiến lược Tài chính giai đoạn 2021-2030 cần hướng tới mục tiêu: Xây dựng nền tài chính quốc gia lành mạnh, hiện đại nhằm tăng cường khả năng chống chịu của nền kinh tế, bảo đảm an ninh tài chính quốc gia; Thực hiện chính sách động viên hợp lý, cải thiện dự địa chính sách tài khóa, tạo điều kiện thuận lợi để huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính, giải quyết hài hòa các vấn đề phát triển KT-XH và môi trường, đảm bảo an ninh, quốc phòng và an sinh xã hội. Đồng thời, phải quán triệt một số quan điểm chủ đạo sau:

Thứ nhất, phát triển nền tài chính quốc gia toàn diện, có vai trò tiên phong trong việc huy động, giải phóng và sử dụng hiệu quả các nguồn lực trong và ngoài nước, gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng phát triển nhanh, bền vững trên cơ sở phát triển khoa học và

công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Thứ hai, cải cách, nâng cao chất lượng thể chế tài chính theo hướng đồng bộ, minh bạch và hội nhập là điều kiện tiên quyết thúc đẩy nền tài chính quốc gia phát triển lành mạnh; đồng thời, coi trọng phát triển đồng bộ, hài hòa các loại thị trường, các khu vực kinh tế và các loại hình DN; phát triển kinh tế tư nhân thực sự là một động lực quan trọng của nền kinh tế.

Thứ ba, chính sách tài chính định hướng, dẫn dắt các nguồn lực xã hội vào các mục tiêu ưu tiên phát triển KT-XH trong từng giai đoạn; nhận thức đầy đủ và vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan của kinh tế thị trường; áp dụng thông lệ quốc tế tốt phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế đất nước; tạo môi trường đầu tư kinh doanh lành mạnh, minh bạch và ổn định.

Thứ tư, cơ cấu lại NSNN và quản lý nợ công phải đặt trong tổng thể cơ cấu lại nền kinh tế, gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; nâng cao hiệu quả huy động, phân bổ và sử dụng NSNN, đảm bảo vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương và chủ động của NSDP; phát huy tối đa lợi thế của các vùng, miền; cân đối nguồn lực phát triển hài hòa giữa kinh tế với xã hội và bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Thứ năm, quản lý tài chính bằng pháp luật, tăng cường kỷ cương, kỷ luật tài chính; nâng cao chất lượng hoạt động thanh tra, kiểm tra, phòng, chống tham nhũng, lãng phí; đẩy mạnh ứng dụng CNTT, thiết lập nền tảng tài chính số, hướng tới hiện đại hóa ngành Tài chính.

Với các quan điểm và mục tiêu trên, để thực hiện tốt nhiệm vụ của ngành Tài chính trong thời gian tới, giải pháp CLTC giai đoạn 2021-2030 cần chú trọng triển khai các nhóm giải pháp sau:

- Hoàn thiện chính sách huy động các nguồn lực tài chính quốc gia nhằm huy động có hiệu quả các nguồn lực cho phát triển; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý thu NSNN, hướng tới một hệ thống thu NSNN đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả; tiếp tục cơ cấu lại thu NSNN theo hướng bền vững, đảm bảo nguồn thu NSNN thực hiện chức năng, nhiệm vụ của nhà nước và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; tăng cường huy động các nguồn lực tài chính ngoài NSNN.

- Nâng cao hiệu quả phân bổ, quản lý và sử dụng các nguồn lực tài chính gắn với việc thúc đẩy quá trình tái cơ cấu kinh tế và phát triển bền vững; nâng cao vai trò định hướng của nguồn lực tài chính nhà nước trong đầu tư phát triển KT-XH; đổi mới cơ chế phân cấp, phân bổ và cơ cấu lại chi NSNN.

- Quản lý chặt chẽ, hiệu quả bội chi NSNN, nợ công phù hợp với các mục tiêu phát triển KT-XH, khả năng vay - trả nợ của nền kinh tế; từng bước cải thiện dư địa tài khóa, nâng cao khả năng chống chịu của nền tài chính quốc gia.

- Đổi mới cơ chế, chính sách tài chính đối với đơn vị SNCL, trọng tâm là đẩy mạnh giao tự chủ tài chính cho đơn vị SNCL cùng với đa dạng hóa nguồn lực xã hội phát triển dịch vụ công.

- Đẩy mạnh việc cơ cấu lại và nâng cao hiệu quả hoạt động của DNNN; đổi mới quản lý vốn nhà nước đầu tư tại DN.

- Phát triển thị trường tài chính và dịch vụ tài chính hiện đại, minh bạch và bền vững; đẩy nhanh việc hoàn thiện cơ sở hạ tầng, CNTT đảm bảo thị trường hoạt động thông suốt, an toàn và ổn định.

- Hoàn thiện thể chế, tăng cường công tác quản lý giá theo cơ chế thị trường đối với giá các hàng hóa, dịch vụ thiết yếu, giá các dịch vụ công, dịch vụ chuyển từ cơ chế quản lý phí sang cơ chế giá thị trường.

- Tăng cường hiệu quả hợp tác tài chính và chủ động hội nhập quốc tế về tài chính.

- Tăng cường năng lực, hiệu quả quản lý, giám sát tài chính; đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT, thiết lập nền tảng tài chính số; cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và kiện toàn bộ máy ngành Tài chính hiện đại, tinh gọn, hiệu lực và hiệu quả.

Tài liệu tham khảo:

1. Chính phủ (2021), Nghị quyết số 50/NQ-CP của Chính phủ ngày 20/5/2021 về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;
2. Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 18/4/2012 về việc phê duyệt Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
3. Đảng bộ Bộ Tài chính (2020), Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Bộ Tài chính lần thứ XXV nhiệm kỳ 2020-2025;
4. Văn kiện Đại hội Đảng XIII, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030;
5. Văn kiện Đại hội Đảng XIII, Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025

Thông tin tác giả:

TS. Nguyễn Như Quỳnh

Phó Viện trưởng phụ trách Viện Chiến lược và Chính sách tài chính

Email: nguyennhuquynh@mof.gov.vn